

Mỗi dây hội, bà L đều có lập biên bản họp đồng về việc thành lập tổ hùn vốn phát triển kinh tế hộ gia đình. 03 dây hội được thể hiện bằng danh sách thành viên tổ 1, 2 và tổ 3. Bản chính của 03 dây hội thì bà L quản lý, bà L có photo cho mỗi hội viên giữ 01 bản.

Thực tế, còn khoảng 08 tháng nữa thì mãn hội (theo ngày khai hội thì đến 20/4/2018 là mãn hội), do có nhiều hội viên hốt hội nhưng không có đóng hội chết cho chủ hội (bà L), nên bà L tuyên bố đình khai hội cả 03 dây hội này. Tuy nhiên, bà L vẫn phải có trách nhiệm thanh toán cho hội viên nuôi hội sống mỗi tháng là 500.000 đồng/chân hội, đồng thời bà L có thỏa thuận với những hội viên nuôi hội sống về việc bà L có trách nhiệm thu tiền hội chết của những hội viên đã hốt hội để thanh toán lại cho họ. Thực tế, bà L còn thiếu tiền hội sống ở 03 dây hội này khoảng 30 triệu đồng. Việc thanh toán với họ là theo giá trị đầu hội (500.000 đồng).

Đối với bà Phan Hồng S có tham gia cả 03 dây hội, mỗi dây 01 chân.

Trong danh sách hội của dây hội thứ nhất, bà S ở thứ tự số 23 tên “5 S”. Dây hội này, bà L không nhớ bà S hốt ở kỳ thứ mấy, nhưng bà L có ghi trong danh sách hội số tiền bà S bỏ thăm 195.000 đồng, hốt 305.000 đồng, tổng số tiền hốt được số tiền 9.690.000 đồng.

Dây hội thứ hai, bà S có số thứ tự 17, tên “5 S”. Bà L không nhớ bà S hốt vào kỳ thứ mấy, nhưng trong danh sách hội, bà L có ghi số tiền bỏ thăm là 210.000 đồng, hốt 290.000 đồng, tổng số tiền hốt được là 8.970.000 đồng.

Dây hội thứ ba, bà S có số thứ tự 03, tên “5 S”. Bà L không nhớ bà S hốt vào kỳ thứ mấy, nhưng bà L có ghi trong danh sách hội việc bà S bỏ thăm 190.000 đồng, hốt 310.000 đồng, tổng số tiền hốt được là 9.875.000 đồng.

Sau khi hốt hội, thì bà S có đóng tiền hội chết của 03 dây hội đến hết kỳ khai thứ 14, còn nợ lại bà L 13 kỳ hội chết với tổng số tiền là 19.500.000 đồng. Tuy nhiên, theo lời khai của bà S, thì bà S thừa nhận còn nợ bà L 12 kỳ hội chết cộng với 600.000 đồng tiền hội chết còn nợ lại của kỳ thứ 13, thì bà L cũng chấp nhận. Bà L cũng đồng ý để bà S thanh toán cho bà L tổng số tiền mà bà S đề xuất là 9.960.000 đồng (gồm nợ 12 kỳ hội chết = 9.360.000 đồng và 600.000 đồng còn nợ của kỳ thứ 13).

** Quá trình tham gia tổ tụng, bị đơn là bà Phan Hồng S trình bày:*

Bà S thừa nhận có tham gia cả 03 dây hội loại 500.000 đồng khai cùng ngày 20/01/2016 âm lịch, mỗi dây 01 chân, và bà S đều đã hốt hết 03 chân hội này như bà L trình bày. Tuy nhiên, bà S không nhớ hốt hội vào kỳ khai thứ mấy. Sau khi hốt hội, bà S có đóng hội chết đều đặn cho bà L đến khoảng tháng 4/2017, do chưa có tiền đóng hội, bà L không thông cảm mà còn có lời lẽ xúc phạm bà S. Bà S ngưng không đóng hội chết cho bà L từ đó đến nay. Bà S xác định còn nợ bà L 12 kỳ hội chết chưa đóng và 600.000 đồng còn nợ của kỳ hội trước đóng còn thiếu.

Trước yêu cầu của bà L đưa ra, bà S đồng ý thanh toán cho bà L số tiền vốn tính trung bình theo các kỳ khai hụi là: 12 kỳ x 260.000 đồng/kỳ x 03 chân = 9.360.000 đồng + 600.000 đồng nợ hụi của kỳ trước còn thiếu = 9.960.000 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Bà L vẫn bảo lưu ý kiến như đã trình bày trên.

Phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên:

+ Phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: thực hiện đúng các quy định của tố tụng dân sự;

+ Phát biểu về việc giải quyết vụ án:

Áp dụng Điều 471 của Bộ luật dân sự; Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xét xử vắng mặt bà S, chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà L, ghi nhận sự tự nguyện của bà S về việc thanh toán tiền hụi chết còn nợ cho bà L với tổng số tiền là 9.960.000 đồng. Bà S phải chịu án phí có giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn là bà S có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bà S.

[2] Phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự là đúng, phù hợp với quy định của tố tụng dân sự.

[3] Bà L và bà S đều thừa nhận, vào ngày 20/01/2016 âm lịch, bà L mở 03 dây hụi cùng giá trị đầu hụi là 500.000 đồng, mỗi tháng khai 01 lần, mỗi dây đều có 27 chân hụi. Hụi thuộc loại hụi hưởng hoa hồng, chủ hụi được hưởng 50% giá trị đầu hụi do hụi viên hốt hụi thanh toán. Địa điểm mở hụi tại nhà bà L. Ở mỗi kỳ khai hụi, hụi viên nào bỏ thăm cao nhất thì được hốt. Bà L (chủ hụi) có trách nhiệm gom hụi của những hụi viên đã hốt hụi, hụi viên nuôi hụi sống để thanh toán cho người hốt hụi. Trong mỗi dây hụi nói trên, bà S đều tham gia 01 chân và đều đã hốt hụi. Giao dịch hụi giữa các đương sự là hoàn toàn tự nguyện. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án công nhận giao dịch hụi giữa các đương sự là có thật và hợp pháp.

[4] Sau khi hốt hụi, bà S không chịu thanh toán khoản tiền hụi chết cho bà L là vi phạm nghĩa vụ thanh toán của hụi viên đã hốt hụi. Xét cả ba chân hụi mà bà S đã hốt, cho thấy mức lãi suất mà bà S phải trả để được hốt hụi cao hơn rất nhiều lần mức lãi Nhà nước quy định (cụ thể, mức lãi suất của lần bỏ hụi thấp nhất (chân hụi thứ ba: 190.000 đồng) đã là 38%/tháng). Do đó, cần phải điều chỉnh lại mức lãi hụi và số tiền bà S phải thanh toán tiền hụi chết cho bà L.

Cụ thể, tiền hui chết được điều chỉnh theo quy định được xác định như sau: Tiền lãi hàng tháng của số tiền 500.000 đồng được tính theo quy định của Nhà nước là: $500.000 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} = 8.300 \text{ đồng}$.

- Dây hui thứ nhất, lãi suất chênh lệch được xác định là: $195.000 \text{ đồng} - 8.300 \text{ đồng} = 186.700 \text{ đồng}$. Bà S phải thanh toán tiền hui chết của 12 kỳ hui còn nợ là: $313.300 \text{ đồng} (500.000 \text{ đồng} - 186.700 \text{ đồng}) \times 12 \text{ kỳ còn nợ} = 3.759.600 \text{ đồng}$;

- Dây hui thứ hai, lãi suất chênh lệch được xác định là: $210.000 \text{ đồng} - 8.300 \text{ đồng} = 201.700 \text{ đồng}$. Bà S phải thanh toán tiền hui chết của 12 kỳ hui còn nợ là: $298.300 \text{ đồng} (500.000 \text{ đồng} - 201.700 \text{ đồng}) \times 12 \text{ kỳ} = 3.579.600 \text{ đồng}$;

- Dây hui thứ ba, lãi suất chênh lệch được xác định là: $190.000 \text{ đồng} - 8.300 \text{ đồng} = 181.700 \text{ đồng}$. Bà S phải thanh toán tiền hui chết của 12 kỳ hui còn nợ là: $318.300 \text{ đồng} (500.000 \text{ đồng} - 181.700 \text{ đồng}) \times 12 \text{ kỳ} = 3.819.600 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền hui chết còn nợ của 03 dây hui nói trên: $3.759.600 \text{ đồng} + 3.579.600 \text{ đồng} + 3.819.600 \text{ đồng} = 11.158.800 \text{ đồng}$.

Tuy nhiên, bà L đồng ý để bà S thanh toán tổng số tiền hui chết còn nợ theo như bà S xác định là 9.960.000 đồng (bao gồm tiền hui chết của 12 kỳ + 600.000 đồng tiền hui chết còn nợ lại của kỳ thứ 13). Thấy rằng, số tiền này ít hơn tổng số tiền hui chết được điều chỉnh theo quy định của Nhà nước nói trên (11.158.800 đồng), trên cơ sở ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, ý kiến của các bên đương sự được chấp nhận.

Trường hợp chậm thanh toán khoản tiền hui chết nói trên, bà S còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định.

[5] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ, nên bị đơn là bà S phải chịu án phí có giá ngạch 5%. Trả lại cho bà L khoản tiền nộp tạm ứng án phí.

[6] Tại phiên tòa: Bà L có mặt, nên thời hạn kháng cáo được tính từ ngày tuyên án; bà S vắng mặt, nên thời hạn kháng cáo tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471 của Bộ luật dân sự; Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ về hộ, hui, biên, phường; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xét xử vắng mặt bà Phan Hồng S.

2. Bà S có nghĩa vụ thanh toán khoản tiền hui chết còn nợ cho bà Phạm Thị L với tổng số tiền là 9.960.000 đồng (chín triệu chín trăm sáu mươi ngàn đồng).

3. Kể từ ngày bà L có đơn yêu cầu thi hành án. Trường hợp bà S không chịu thanh toán cho bà L khoản tiền nợ hui nói trên, thì hàng tháng, bà S còn phải chịu

khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

4. Bà S phải chịu 498.000 đồng (bốn trăm chín mươi tám ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5%.

5. Trả lại cho bà L khoản tiền nộp tạm ứng án phí 488.000 đồng (bốn trăm tám mươi tám ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005450 ngày 01/5/2018 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình phát hành.

6. Bà L được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà S được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKS nd huyện Thới Bình;
- Chi cục THA dân sự huyện Thới Bình;
- Phòng KTNV&THA TA nd tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Trọng Quế